TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04a/2025/QĐST-DS	*Vĩnh Long, ngày 18 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành được lập ngày 07 tháng 7 năm 2025 các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số X, phố T, phường T1, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường C, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu Hà – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Quang – Chức vụ: Quyền Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số A, N, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đặng Quốc Tuấn – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Huyền T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

Ông Huỳnh Hữu N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số A, Lộ số B, khu phố C, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Huỳnh Hữu N và bà Phạm Huyền T đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 04/6/2025 là 14.765.061.542 đồng (Bằng chữ: mười bốn tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng) trong đó tiền gốc là: 13.800.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 950.182.669 đồng, tiền lãi quá hạn và chậm trả là: 14.878.873 đồng.

Ông Huỳnh Hữu N và bà Phạm Huyền T còn phải liên đới trả toàn bộ lãi vay trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả phát sinh từ 05/6/2025 cho đến ngày trả tất nợ vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 0045/2023/HDTDTDH-CN/SHB.131400 ngày 14/12/2023 đã ký kết với ngân hàng.

Trường hợp bà Phạm Huyền T và ông Huỳnh Hữu N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0004.1/2024/HĐTC-CN/SHB.131400 ngày 05/01/2024, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0004.2/2024/HĐTC-CN/SHB.131400 ngày 05/01/2024, cụ thể như sau:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1135, tờ bản đồ số 7, diện tích: 301,0m^2; địa chỉ: xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long); mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DM 472383, số vào sổ cấp GCN: VP13020 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/12/2023 cho bà Phạm Huyền T.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1136, tờ bản đồ số 7, diện tích: 288,9m^2; địa chỉ: xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long); mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DM 472384, số vào sổ cấp GCN: VP13019 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/12/2023 cho bà Phạm Huyền T.

- Tài sản 3: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 1, diện tích: 288,3m^2; địa chỉ: phường A, thành phố B, tỉnh B1 (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long); mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị 150,0m^2, đất trồng cây lâu năm 138,3m^2. Tài sản gắn liền với đất: nhà ở; loại nhà ở: nhà ở riêng lẻ; diện tích xây dựng: 102,1m^2; diện tích sàn: 204,9m^2; hình thức sở hữu: sở hữu riêng; cấp (hạng): cấp III; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất số phát hành: DM 472382, số vào sổ cấp GCN: VP04462 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/12/2023 cho bà Phạm Huyền T.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Huỳnh Hữu N và bà Phạm Huyền T tự nguyện liên đới chịu là 61.383.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực X - Vĩnh Long) hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền là 61.346.800 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008011 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Đạt